TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/5/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam

Ông Nguyễn Ánh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và quyết định Hoãn phiên tòa số: 54/2023/TB-TA ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Số M, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)
- Bị đơn: Anh **Lâm Thanh Đ**, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Số M, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, Chị H và anh Đ quen biết nhau một thời gian đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148 ngày 12/11/1999.

Sau khi cưới Chị H và anh Đ chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên từ lúc chị H bắt đầu có thai con đầu lòng, là cháu Lâm Thanh H, sinh ngày 13/5/2001 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau, dẫn đến vợ chồng tranh cãi vì những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Anh Đ thường xuyên uống rượu, mỗi lần đi nhậu về là quát tháo chửi mắng, đập phá đồ đạc trong nhà. Anh Đ sống không có trách nhiệm, bỏ mặc mọi công việc trong nhà và kinh tế chăm lo cho gia đình anh không phụ giúp. Mặc dù cha mẹ hai bên khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi tính xấu chửi mắng vợ con càng ngày càng quá đáng hơn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc.

Hiện nay mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cũng không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng khoảng vài năm nay.

Trước Tòa án chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung cháu Lâm Thanh H, sinh ngày: 13/5/2001; Lâm Hoàng H, sinh ngày: 16/9/2005.

Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Hoàng H. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lâm Thanh H đã thành niên và có khả năng lao động. Hiên nay chị H buôn bán trái cây thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lâm Thanh Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 12/11/1999 được UBND xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của anh Đ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do chị H xem thường anh, chị làm ra nhiều tiền nên không còn tôn trọng anh, công việc chị làm gì, chị đi đâu cũng không cho anh biết từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Vì buồn anh thường xuyên uống rượu, chị H khai anh say xỉn đập phá đồ đạc trong nhà là không đúng, anh không có đánh chị H. Anh Đ cũng nhiều lần nói chuyện với chị H nhưng không hòa hợp, chị H thường có lời lẽ thô lỗ chửi thề và xưng mày tao với Anh Đ nên không thể hòa giải mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Về thời gian sống ly thân không có, tuy vợ chồng vẫn sống chung một

nhà nhưng hơn 02 năm nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Theo Anh Đ được biết Chị H đang có bệnh đau đầu, mỗi lần chị lên cơn bệnh tính tình chị thay đổi hoàn toàn, từ cách xưng hô cho đến thái độ rất hung dữ, nhưng sau khi hết cơn đau đầu Chị H tính tình bình thường trở lại. Anh Đ có đưa Chị H đi khám bệnh nhưng không tìm được nguyên nhân và cũng không xác định được Chị H bị bệnh gì.

Thời gian không nhớ chính xác vào khoảng năm 2019, khi Anh Đ đang ở nhà thì có người thanh niên lạ xông vào nhà đánh Anh Đ, anh không biết người đó là ai, anh cũng không có mâu thuẫn gì với ai, nhưng sau đó Chị H thừa nhận đã thuê người đánh Anh Đ vì trước đó Anh Đ nghi ngờ Chị H sống không chung thủy, vợ chồng có gây gổ, Chị H có đe dọa đánh anh, khoảng thời gian sau đó thì Anh Đ bị người lạ mặt đánh.

Sự việc Anh Đ bị đánh anh không có làm đơn trình báo công an xã G, không có tố cáo Chị H. Việc này xảy ra lâu rồi nên Anh Đ cũng không còn khiếu nại gì đối với Chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Anh Đ chỉ trình bày cho Tòa án biết mà thôi. Anh cũng không có chứng cứ gì về việc Chị H thuê người đánh anh để nộp cho Tòa án.

Trước Tòa án Chị H xin ly hôn Anh Đ không đồng ý vì anh còn thương chị, mặc khác Chị H thường xuyên bệnh đau đầu cần có người thân chăm sóc cho chị.

- Về con chung: Chị H khai là đúng, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Thanh H; sinh năm 2001 và Lâm Hoàng H; sinh ngày 16/9/2005, trường hợp ly hôn Anh Đ cũng đồng ý giao cháu Lâm Hoàng H cho Chị H nuôi dưỡng, tạm thời Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lâm Thanh H đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Chị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn không đến tham dự phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn với anh Lâm Thanh Đ.

+ Về con chung: Giao con chung cho Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lâm Thanh Đ cư trú tại số M, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Đỗ Thị Thu H là nguyên đơn, anh Lâm Thanh Đ là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Nguyên đơn Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/4/2023.

- Ngày 26/4/2023 Tòa án tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử (QĐ số 37/QĐXXST-DS) ngày 19/4/2023 cho Anh Đ nhận trực tiếp, Tòa án thông báo cho Anh Đ được biết đúng 10 giờ 00 phút ngày 05/05/2023 phải có mặt tại Tòa án để tham gia phiên Tòa, nhưng Anh Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Ngày 08/5/2023, Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa (QĐ số 54/QĐST- DS) ngày 05/5/2023 cho anh Lâm Thanh Đ nhận trực tiếp, thông báo cho Anh Đ biết thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 30/5/2023 nhưng Anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Lâm Thanh Đ đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148 ngày 12/11/1999 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, năm 2022 Chị H khởi kiện xin ly hôn Anh Đ. Thời điểm này Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành. Xét việc kết hôn của Chị H và Anh Đ cũng phù hợp với quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, về con chung, tài sản chung, nợ chung, không tranh chấp nên hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét tình trạng hôn nhân giữa Chị H và Anh Đ Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Theo như lời khai của Chị H, Anh Đ sống không có trách nhiệm, bỏ mặc mọi công việc trong nhà và kinh tế chăm lo cho gia đình anh không phụ giúp, thường xuyên uống rượu chửi mắng vợ con.

Bị đơn Anh Đ có lời khai Chị H xem thường anh, chị làm ra nhiều tiền nên không còn tôn trọng anh, thường có lời lẽ thô lỗ chửi thề và xưng mày tao với Anh Đ nên vợ chồng không thể hòa giải mâu thuẫn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Tuy nhiên Anh Đ là người theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn.

Chị H và Anh Đ có lời khai thống nhất đều thừa nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, tuy anh, chị chung sống cùng một nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hơn 02 năm nay không thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Theo biên bản xác minh ngày 07/4/2023, ông Lê Phúc (Trưởng ấp B, xã G) cho biết: *" ... hai vợ chồng Anh Đ và Chị H vẫn sống chung nhà với nhau. Tuy nhiên, mỗi người sống theo một cách riêng hôn nhân không hạnh phúc"*

Trên cơ sở đó cho thấy Chị H và Anh Đ chung sống với nhau không có sự tôn trọng, không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H cho chị được ly hôn với Anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị H và Anh Đ có lời khai thống nhất, vợ chồng chung sống có 02 con chung: Cháu Lâm Thanh H, sinh ngày: 13/5/2001, Lâm Hoàng H, sinh ngày: 16/9/2005.

Xét yêu cầu về việc xin nuôi con chung của Chị H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ Anh Đ cũng đồng ý giao cháu Lâm Hoàng H cho Chị H nuôi dưỡng đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ, nên hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao

cháu Lâm Hoàng H, sinh ngày: 16/9/2005 cho Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Riêng cháu Lâm Thanh H đã thành niên và có khả năng lao động nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con Chị H không có yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không giải quyết. Tạm thời Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Thanh Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Lâm Thanh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị Thu H và anh Lâm Thanh Đ được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Lâm Hoàng H, sinh ngày: 16/9/2005 cho chị Đỗ Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm thời anh Lâm Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0009181 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã G (148/1999);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Kim Đó